

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung/thay thế và bãi bỏ ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14/05/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND, ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 03/TTr-SCT ngày 10/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung/thay thế và bãi bỏ ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum *(có Danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và:

- Thay thế thủ tục hành chính số 03 khoản I mục B phần I và phần II tại Quyết định số 495/QĐ-UBND, ngày 9/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 04, 05, 06, 07 khoản XIV mục A phần I và phần II tại Quyết định số 481/QĐ-UBND, ngày 31/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố các thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc ngành Công Thương áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các Sở, ban ngành; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (1/h);
- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục Kiểm soát TTIC (VPCP);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT-NCXDPL.

M



Nguyễn Văn Hòa

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/THAY
THẾ VÀ BÀI BỎ NGÀNH CÔNG THƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG VÀ ỦY BAN NHÂN CẤP
HUYỆN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)*

**Phần I:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Công Thương: 02 TTIC**

STT	Tên thủ tục hành chính
1	Lĩnh vực An toàn thực phẩm
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.

**2. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/thay thế thuộc thẩm quyền
giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện: 01 TTIC**

STT	Số hồ sơ TTIC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung/thay thế thủ tục hành chính
1		Lĩnh vực Khí dầu mỏ hóa lỏng	
1		Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cho cửa hàng bán lẻ LPG chai	Nghị định số 87/2018/ND-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ

**3. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở
Công Thương: 04 TTIC**

STT	Số hồ sơ TTIC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bị bãi bỏ TTIC
1		Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
1		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với	Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của

		cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Bộ Công Thương.
2		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	
3		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	
4		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	

u

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

I. Lĩnh vực An toàn thực phẩm.

01. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại bộ phận “một cửa” Sở Công Thương tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 494 Trần Phú- Thành phố Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày trong tuần. <p>Bước 2: Cán bộ một cửa kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc Sở Công Thương kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho cơ sở để hoàn chỉnh hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Sở Công Thương có quyền hủy hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. <p>Bước 3: Chuyên phòng chuyên môn xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả “Chờ hoàn thiện”: Thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục (theo mẫu quy định) và nộp phí thẩm định về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị; Nếu kết quả thẩm định lại “Không đạt” hoặc quá thời hạn khắc phục mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận. <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày trong tuần.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan nhà nước hoặc qua đường bưu điện
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu); - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (theo mẫu); - Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở); - Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe

	<p>của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);</p> <p>- 01 phong bì ghi rõ địa chỉ và dán tem (nếu nhận hồ sơ qua đường bưu điện);</p> <p>b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời gian giải quyết	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Sở Công Thương tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
Phí, Lệ phí	<p>- Phí thẩm định:</p> <p>+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm. Mức thu: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>+ Cơ sở sản xuất thực phẩm. Mức thu: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu 1a Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018</i>).</p> <p>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (<i>Mẫu số 02b - đối với cơ sở kinh doanh</i>) hoặc cả <i>Mẫu số 02a và Mẫu số 02b - đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018</i>).</p> <p>- Báo cáo kết quả khắc phục (<i>Mẫu 04 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện	<p>* Điều kiện chung</p> <p>Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm: cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo.</p> <p>* Điều kiện riêng</p> <p>a) Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm; - Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm; - Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm; - Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm; - Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm; - Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm; - Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm. <p>b) Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a mục này;</p> <p>d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 (<i>Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý</i>) và khoản 10 (<i>Đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm để thực hiện các thủ tục hành chính</i>) Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a mục này.</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ;</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP, ngày 01/07/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP, ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT, ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 279/2016/TT-BTC, ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính; - Thông tư số 117/2018/TT-BTC, ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính.
--	---

12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20 ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*

Cơ sở sản xuất, kinh doanh *(tên giao dịch hợp pháp)*:

Địa điểm tại:

Điện thoại: Fax:

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh *(tên sản phẩm)*:

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất ☐
- Cơ sở kinh doanh ☐
- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh ☐
- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm ☐

(tên cơ sở).....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-
-
-
-

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

(1) : kèm theo Danh sách nhóm sản phẩm

(2) : Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI
(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)

STT	Tên cơ sở thuộc chuỗi	Địa chỉ	Thời hạn GCN	Ghi chú
1				
2				
3				

DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM

(Kèm theo mẫu đơn đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)

STT	Tên nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận
I	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
9	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
II	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Ngũ cốc	
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Dường	
12	Chè	
13	Cà phê	
14	Cà cao	

15	Hạt tiêu	
16	Điều	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
III	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	
5	Dầu thực vật	
6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
1	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					

II	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanhm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
1 Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
11 Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1						
2						

3						
---	--	--	--	--	--	--

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:

2. Địa chỉ Cơ sở:

3. Số điện thoại: Fax: Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

02. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại bộ phận “một cửa” Sở Công Thương tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 494 Trần Phú- Thành phố Kon Tum. - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày trong tuần. <p>Bước 2: Cán bộ một cửa kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc Sở Công Thương kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản cho cơ sở để hoàn chỉnh hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, Sở Công Thương có quyền hủy hồ sơ. - Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. <p>Bước 3: Chuyên phòng chuyên môn xử lý, hoàn thành và tra lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả “Chờ hoàn thiện”: Thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục (theo mẫu quy định) và nộp phí thẩm định về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị. <p>Nếu kết quả thẩm định lại “Không đạt” hoặc quá thời hạn khắc phục mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại bộ phận “một cửa” của Sở Công Thương tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào giờ hành chính các ngày trong tuần.
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại trụ sở cơ quan nhà nước hoặc qua đường bưu điện</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu); * Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu); - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bao đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (theo mẫu); - Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bản sao có xác nhận của cơ sở); - Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

	<p>* Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu); - Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở). <p>* Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo mẫu); - Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở); - Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở); - Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở (bản sao có xác nhận của cơ sở). <p>* 01 phong bì ghi rõ địa chỉ và dán tem (nếu nhận hồ sơ qua đường bưu điện).</p> <p>h. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời gian giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ (đối với: cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh) - Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là "Đạt" (đối với: cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)
Đối tượng thực hiện	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện	Sở Công Thương tỉnh Kon Tum
Kết quả	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
Phí, Lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định; - Cơ sở kinh doanh thực phẩm. Mức thu: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở - Cơ sở sản xuất thực phẩm. Mức thu: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (Mẫu 1b Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018). - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (Mẫu số 02b-đối với cơ sở kinh doanh hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b-đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh, Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018). - Báo cáo kết quả khắc phục (Mẫu 04 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018).
Yêu cầu, điều kiện	<p>* Điều kiện chung</p> <p>Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương bao gồm: cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo.</p> <p>* Điều kiện riêng</p> <p>a) Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;

	<ul style="list-style-type: none"> - Bía: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm; - Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm; - Sủi chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm; - Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm; - Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm; - Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm. <p>b) Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a mục này;</p> <p>d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 (Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý) và khoản 10 (Đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm để thực hiện các thủ tục hành chính) Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a mục này.</p>
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP, ngày 01/07/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP, ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT, ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 279/2016/TT-BTC, ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 117/2018/TT-BTC, ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ...tháng ... năm 20 ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

Tên cơ sở đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số ngày cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này):

.....
Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuấtm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp					

	xúc trực tiếp với nguyên liệu. thực phẩm					
11	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH THỰC PHẨM

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanhm²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCC1:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
II Trang, thiết bị dự kiến bổ sung						
1						
2						

3						
---	--	--	--	--	--	--

III. ĐÁP LỜI GIẢI CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

Kính gửi: (tên cơ quan có thẩm quyền cấp)

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:

2. Địa chỉ Cơ sở:

3. Số điện thoại: Fax: Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng... năm ... của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

B. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện:

1. Lĩnh vực Khí dầu mỏ hóa lỏng:

01. Thủ tục: Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán LPG chai.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (<i>Phòng kinh tế thành phố hoặc phòng kinh tế hạ tầng các huyện</i>) hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung</p> <p>Bước 3: Chuyên phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa</p> <p>Trường hợp không giải quyết thì có văn bản trả lời theo quy định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (<i>Phòng kinh tế thành phố hoặc phòng kinh tế hạ tầng các huyện</i>) hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường Bưu điện
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a/ Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.</p> <p>b/ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp huyện (<i>Phòng kinh tế thành phố hoặc phòng kinh tế hạ tầng các huyện</i>).
Kết quả:	Giấy chứng nhận
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (<i>mẫu số 12 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/06/2018</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Trường hợp thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký
Căn cứ pháp lý:	<p>- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ ;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính</p>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện...
Sở Công Thương.

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:do
..... cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện..... theo quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:....

.....ngày....tháng...năm...
**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)